

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/DSST

Ngày: 01/4/2022

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng dân sự về góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-DS ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị B, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971

Ông Thạch Đa R, sinh năm 1971

Cùng Địa chỉ: ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện Tiêu C, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lý Thị B trình bày:

Vào ngày 15/12/2019 đương lịch chị có tham gia góp hội do ông Thạch Đa R và bà Nguyễn Thị H làm đầu thảo loại hội 10.000.000 đồng khai theo vụ lúa có 16 hội viên cùng tham gia, bà có tham gia 01 phần dây hội số 01 tên trong danh sách hội chị tên là Út B, hình thức khai hội ai bỏ thăm cao nhất thì sẽ được hốt hội, trong dây hội này chị có đóng cho đầu thảo được 02 lần hội sống với tổng số tiền là 9.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu bà Nguyễn

Thị H và ông Thạch Đa R phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền hui bằng 9.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R vắng mặt từ khi tòa án thụ lý cho đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Danh sách hui (bản pho to).
- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* danh sách hui.

Những tình tiết các bên thống nhất và những tình tiết các bên không thống nhất:

Do bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi xét xử nên Hội đồng xét xử không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lý Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lý Thị B, bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng chị Lý Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền bằng 9.000.000 đồng chị không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, tuy nhiên quá trình hòa giải do hòa giải viên phụ trách thì bà Nguyễn Thị H có cung cấp danh sách hui mở ngày 15/12/2019 loại hui 10.000.000 đồng khai theo vụ lúa có 16 phần trong đó chị Lý Thị B đứng tên ở vị trí thứ 03 tên là Út B và tại tờ tường trình ngày 26/11/2021 bà H thừa nhận có còn nợ tiền hui của chị B bằng 9.000.000 đồng khi nào các hui viên còn nợ tiền hui của bà trả cho bà thì bà sẽ trả cho chị B. Như vậy có cơ sở chị B có tham gia góp hui cùng với bà H và có đóng hui sống cho bà H như trình bày. Vì vậy buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền hui còn nợ cho chị B là có cơ sở. Do chị B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3]. Đối với ông Thạch Đa R mặc dù mọi giao dịch góp hui đều do bà H giao dịch với các hui viên, tuy nhiên giữa ông với bà H còn tồn tại mối quan hệ chồng và hiện đang còn sống chung với nhau, giao dịch chơi hui giữa bà H với chị B là giao dịch trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông và bà H vì vậy buộc ông Thạch Đa R phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị H trả số tiền hui cho chị Lý Thị B là có cơ sở.

Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị B.

Về án phí buộc bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 468 và Điều 471 bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lý Thị B số tiền là 9.000.000 đồng, đây hội mở ngày 15/12/2019 loại hội 10.000.000 đồng khai theo vụ lúa có 16 phần do bà Nguyễn Thị H làm đầu thảo.

2. Kể từ ngày chị Lý Thị B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa r còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Thạch Đa R phải chịu 450.000 đồng. Chị Lý Thị B không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho chị Lý Thị B số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0002900 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Trà Vinh;*

- VKSND huyện Tiểu Cần;

- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;

- Các đương sự;

- *Luru HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thi Thu Hiền

